TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 470/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 0136/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông A, sinh năm: 1988, căn cước công dân số: M, địa chỉ: căn I, tầng O, khối U, chung cư T, khu phố Y, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà B, sinh năm: 1994, căn cước công dân số: N, địa chỉ: căn I, tầng O, khối U, chung cư T, khu phố Y, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 156, ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường VP, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 8 năm 2025, ông A và bà B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con: Có một con tên C, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018, đôi bên thỏa thuận bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đôi bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông A và bà B thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông A và bà B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường VP, thành phố NT (nay là phường BNT), tỉnh Khánh Hòa hết hiệu lực.

- Về con: Bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ: C, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đôi bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông A thỏa thuận nộp lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001802 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 –Thành phố Hồ Chí Minh; ông A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-TPHCM;
- UBND P. Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 5 -TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Linh Phượng